

**UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

Số: ~~5070~~/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Uông Bí, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2023

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 22/11/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư số 98/2013/TT-BTC ngày 24/7/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Văn bản số 2869/SXD-QLN&TTBĐS ngày 28/7/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 2167/LĐTBXH-NCC ngày 03/8/2023 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 3944/STC-QLNS ngày 04/8/2023 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc cân đối ngân sách, bố trí dự toán kinh phí thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3971/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố tại Tờ trình liên phòng số 01/TTr-QLĐT-LĐTB&XH ngày 10/10/2023 và theo báo cáo kết quả rà soát Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ có khó khăn về nhà ở của UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 96 hộ gia đình, trong đó: (22 hộ xây mới; 74 hộ sửa chữa) Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ có khó khăn về nhà ở thuộc diện hỗ trợ xây mới, sửa chữa trên địa bàn Thành phố Uông Bí.

(Có danh sách kèm theo)

- Kinh phí thực hiện Đề án.
- + Kinh phí hỗ trợ xây mới nhà ở: 22 hộ x 80 triệu đồng/hộ = 1.760 triệu đồng;
- + Kinh phí hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở: 74 hộ x 40 triệu đồng/hộ = 2.960 triệu đồng;
- + Chi phí quản lý: 23,6 triệu đồng;
- + Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 4.743,6 triệu đồng (Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Điều 2. Giao Ban chỉ đạo thành phố và các phòng ban chức năng liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh văn phòng HĐND&UBND thành phố, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường và thủ trưởng các phòng, ban có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Xây dựng, Sở LĐ-TB&XH (B/c);
- TT Thành ủy; TT HĐNDTP (B/c);
- CT, các PCT UBNDTP (C/d);
- Như điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, QLĐT.

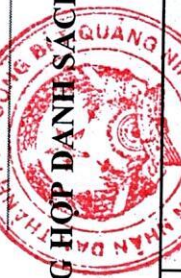
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành



TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 5074/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND thành phố Uông Bí)

STT	Tên phường, xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Đối tượng	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở	Thuộc diện sửa chữa nhà ở	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Phường Quang Trung	10		4	6	
1	Nguyễn Thị Chũ	Tổ 1A, Khu 1	HĐKC	x		
2	Nguyễn Thị Mùi	Tổ 8, Khu 2	HĐKC	x		
3	Vũ Kim Kỳ	Tổ 7, Khu 2	HĐKC	x		
4	Nguyễn Thị Thanh	Khu 2	HĐKC		x	
5	Vũ Văn Tám	Tổ 12B, Khu 4	Thương binh		x	
6	Phạm Văn Thơ	Tổ 13A, khu 4	HĐKC		x	
7	Trương Thị Thành	Tổ 25A, Khu 7	HĐKC		x	
8	Đinh Công Nhiên	Khu 7	HĐKC	x		
9	Đào Quang Phụng	Tổ 35, Khu 9	Bệnh binh		x	
10	Đỗ Văn Sao	Khu 5A	HĐKC		x	
II	Xã Thượng Yên Công	2		2	0	
1	Trần Thị Quách	Thôn Đồng Chanh	HĐKC	x		
2	Lãnh Thị Ký	Thôn Tập Đoàn	TNLS	x		
III	Phường Bắc Sơn	5		1	4	
1	Đoàn Văn Đức	Tổ 2, Khu 1	HĐKC		x	
2	Phạm Minh Tăng	Tổ 2, Khu 1	HĐKC		x	
3	Nguyễn Quang Chính	Tổ 2, Khu 1	HĐKC		x	
4	Đặng Thị Hiền	Tổ 3a, Khu 2	HĐKC	x		

STT	Tên phường, xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Đối tượng	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở	Thuộc diện sửa chữa nhà ở	Ghi chú
5	Nguyễn Xiển Quý	Tổ 11b, khu 7	Thương binh		x	
IV	Phường Yên Thanh	3		2	1	
1	Phạm Ngọc La	Khu Lạc Thanh	Thương binh 4/4	x		
2	Đỗ Thị Mái	Khu Phú Thanh Tây	Hoạt động kháng chiến	x		
3	Lê Quốc Luân	Khu Bí Giàng	Thương binh 4/4		x	
V	Phường Nam Khê	16		3	13	
1	Nguyễn Thị Ngân	Tổ 7, khu Nam Sơn	HĐKC	x		
2	Nguyễn Hữu Riệm	Tổ 2, khu Nam Sơn	HĐKC		x	
3	Nguyễn Hồng Sơn	Tổ 7, khu Nam Sơn	HĐKC		x	
4	Ngô Ngọc Ánh	Tổ 3, khu Nam Sơn	HĐKC		x	
5	Hoàng Thị Bốn	Tổ 9, khu Nam Sơn	TB, CĐHH		x	
6	Hà Văn Chóng	Tổ 2, khu Nam Trung	Địch bắt tù đầy		x	
7	Phạm Thị Tiến	Tổ 6, khu Nam Trung	HĐKC		x	
8	Đông Thị Lợi	Tổ 4, khu Nam Tân	HĐKC	x		
9	Đinh Hồng Mến	Tổ 2, khu Chạp Khê	HĐKC	x		
10	Lê Ngọc Quỳnh	Tổ 1, khu Chạp Khê	HĐKC		x	
11	Bùi Như Lạc	Tổ 5, khu Chạp Khê	HĐKC		x	
12	Lê Minh Tuấn	Tổ 1, khu Tre Mai	Thương binh		x	
13	Hoàng Thị Hồng	Tổ 5, khu Tre Mai	HĐKC		x	
14	Vũ Quang Bình	Tổ 5, khu Tre Mai	HĐKC		x	
15	Bùi Thị Ninh	Tổ 2, Khu Nam Tân	HĐKC		x	
16	Nguyễn Văn Đức	Tổ 7, Khu Nam Sơn	HĐKC		x	
VI	Phường Trưng Vương	6		2	4	
1	Nguyễn Thị Len	Tổ 16, khu 3	HĐKC	x		
2	Đinh Thị Lan	Tổ 14, khu 3	HĐKC		x	

STT	Tên phường, xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Đối tượng	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở	Thuộc diện sửa chữa nhà ở	Ghi chú
3	Đỗ Thị Vân	Tổ 34, khu 6	HĐKC		x	
4	Nguyễn Thị Viên	Tổ 35, khu 6	HĐKC		x	
5	Mai Thị Hoa	Tổ 35, khu 6	HĐKC	x		
6	Phạm Thị Toán	Tổ 39, khu 7	HĐKC		x	
VII	Phường Phương Đông	15		3	12	
1	Phạm Gia Lưu	Khu Dốc Đò II	Thương binh 2/4	x		
2	Nguyễn Thị Hương	Khu Liên Phường	HĐKC		x	
3	Vũ Thị Thắng	Khu Liên Phường	Thân nhân liệt sỹ		x	
4	Nguyễn Châu Diên (Duyên)	Khu Liên Phường	HĐKC		x	
5	Nguyễn Minh Suy	Khu Bí Trung I	CĐHH		x	
6	Nguyễn Văn Soan	Khu Bí Trung I	CĐHH		x	
7	Trần Thị Vượng	Khu Tân Lập 2	HĐKC	x		
8	Phạm Thị Duyên	Khu Tân Lập 2	HĐKC		x	
9	Nguyễn Ngọc Khôi	Khu Tân Lập 2	Thương Binh 4/4		x	
10	Bùi Văn Mừng	Khu Cầu Sén	CĐHH		x	
11	Phạm Thị Quân	Khu Bí Trung 2	HĐKC		x	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Khu Đồng Minh	HĐKC		x	
13	Vũ Đình Du	Khu Dốc Đò I	HĐKC	x		
14	Trần Thị Chuộn	Tổ 1, Dốc Đò 1	CĐHH		x	
15	Dương Văn Trảng	Khu Bí Thượng	HĐKC		x	
VIII	Phường Phương Nam	9		1	8	
1	Hoàng Văn Chuyên	Khu An Hải	TĐ, HĐKC		x	
2	Đào Thị Hè	Khu An Hải	HĐKC		x	
3	Đỗ Thị Thân	Khu Hợp Thành	HĐKC	x		
4	Nguyễn Khắc Muôn	Khu Bạch Đằng 1	TB, HĐKC		x	

STT	Tên phường, xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Đối tượng	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở	Thuộc diện sửa chữa nhà ở	Ghi chú
5	Trần Thị Lan	Khu Bạch Đằng 1	Vợ LS		x	
6	Vũ Quang Đại	Khu Bạch Đằng 2	CDHH		x	
7	Đặng Văn Nhữ	Khu Bạch Đằng 2	HĐKC		x	
8	Lưu Văn Chát	Khu Hồng Hải	TĐ		x	
9	Dương Minh Tâm	Khu Cẩm Hồng	HĐKC		x	
IX	Phường Thanh Sơn	10		0	10	
1	Nguyễn Trung Xô	Tổ 8, Khu 8	HĐKC		x	
2	Vũ Thị Bính	Tổ 3, Khu 6	HĐKC		x	
3	Hoàng Trung Tâm	Tổ 3, Khu 6	HĐKC		x	
4	Nguyễn Hữu Tâm	Tổ 10, Khu 6	HĐKC, thân nhân liệt sĩ		x	
5	Nguyễn Thị Vy	Tổ 1, Khu 7	HĐKC		x	
6	Nguyễn Thị Đồng	Tổ 2, Khu 7	HĐKC		x	
7	Hoàng Thanh Cường	Tổ 4, Khu 10	Thương binh		x	
8	Lê Văn Luyện	Tổ 7, Khu 9	HĐKC		x	
9	Vũ Đình Thang	Tổ 5, Khu 9	HĐKC		x	
10	Vũ Xuân Tảo	Tổ 3, khu 5	HĐKC		x	
X	Phường Vàng Danh	20		4	16	
1	Nguyễn Ngọc Khúc	Tổ 3, Khu 1	HĐKC	x		
2	Nguyễn Quang Viễn	Tổ 3, Khu 1	HĐKC		x	
3	Nguyễn Thị Nghĩa	Tổ 8, Khu 1	HĐKC		x	
4	Ngô Ngọc Cẩn	Tổ 9, Khu 1	HĐKC		x	
5	Lê Thị Quý	Tổ 4, Khu 2	Thân nhân liệt sĩ		x	
6	Trần Thị Hợi	Tổ 5, Khu 2	HĐKC		x	
7	Nguyễn Quang Kính	Tổ 7, Khu 3	HĐKC		x	
8	Nguyễn Xuân Trăm	Tổ 5, Khu 3	HĐKC	x		

STT	Tên phường, xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Đối tượng	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở	Thuộc diện sửa chữa nhà ở	Ghi chú
9	Nguyễn Thị Hương	Tổ 4, Khu 3	HĐKC		x	
10	Phạm Thị Miên	Tổ 4, Khu 3	HĐKC	x		
11	Lưu Ngọc Tiềm	Tổ 1, Khu 5A	HĐKC		x	
12	Vũ Thị Vượng	Tổ 1, Khu 5A	HĐKC		x	
13	Trần Thị An	Tổ 3, Khu 5A	HĐKC		x	
14	Đỗ Mạnh Hoạch	Tổ 3, Khu 5B	HĐKC		x	
15	Bùi Trọng Vượng	Tổ 1, Khu 7	HĐKC		x	
16	Nguyễn Thị Nhân	Khu 9	HĐKC, Thương binh		x	
17	Phùng Thị Hà	Khu 9	HĐKC	x		
18	Trương Thị Hà	Khu 9	HĐKC		x	
19	Lương Ngọc Dụ	Khu 9	HĐKC		x	
20	Nhữ Minh Thắng	Khu 9	HĐKC		x	
	Tổng cộng:	96		22	74	

- Tổng số hộ được hỗ trợ: **96 hộ** (Bảng chữ: Chín mươi sáu)
- Tổng số tiền hỗ trợ để xây dựng mới nhà ở: 1.760.000.000đ (Bảng chữ: Một tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng)
- Tổng số tiền hỗ trợ để sửa chữa nhà ở: 2.960.000.000 đ (Bảng chữ: Hai tỷ, chín trăm sáu mươi triệu đồng)

BIỂU TỔNG HỢP
SƠ ĐU HỘ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ CÀN HỒ TRỢ CÁI THIÊN NHÀ Ở NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND thành phố Uông Bí)



STT	Tên phường, xã, thị trấn	Tổng số hộ cần hỗ trợ cải thiện nhà ở (hộ)	Trong đó		Đối tượng hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên												Đối tượng người có công và thân nhân liệt sĩ khác			Ghi chú			
			Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)	Hộ gia đình người có công, thân nhân Liệt sĩ mà nhà ở có nguy cơ sập đổ, không an toàn khi sử dụng			Hộ gia đình mà người có công, thân nhân Liệt sĩ cao tuổi			Hộ gia đình người có công, thân nhân Liệt sĩ là người dân tộc thiểu số			Hộ gia đình người có công, thân nhân Liệt sĩ có hoàn cảnh khó khăn			Hộ gia đình người có công, thân nhân Liệt sĩ thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai						
					Tổng số (hộ)	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)	Tổng số (hộ)	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)	Tổng số (hộ)	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)	Tổng số (hộ)	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)	Tổng số (hộ)	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)				
1	Quang Trung	10	4	6	10	4	6																
2	Thượng Yên Công	2	2	0	2	2	0																
3	Bắc Sơn	5	1	4	5	1	4																
4	Yên Thanh	3	2	1	3	2	1																
5	Nam Khê	16	3	13	16	3	13																
6	Trung Vương	6	2	4	6	2	4																
7	Phượng Đông	15	3	12	15	3	12																
8	Phượng Nam	9	1	8	9	1	8																
9	Thanh Sơn	10	0	10	10	0	10																
10	Vàng Danh	20	4	16	20	4	16																
	Tổng cộng:	96	22	74	96	22	74																